

Bản án số 04/2019/HNGĐ - ST

Ngày 18/4/2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và ông Trịnh Thanh Khiết

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biễn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Hương Dịu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1986; Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: thôn M, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi ĐKTT: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh P, sinh năm 1982; Vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn H, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh P có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004. Nhưng tôi và anh P không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chúng tôi chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau đó thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chúng tôi không còn yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc nhau vì tình cảm không còn. Hiện nay tôi và anh P đã sống ly

thân. Vì vậy tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh P trước pháp luật.

- *Về con chung*: Tôi và anh P có 02 con chung là: C, sinh ngày 29/12/2005 và T, sinh ngày 10/10/2012. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là C và T. Tôi yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi con đã thành niên.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Về thời gian chung sống vợ chồng và về con chung của chúng tôi như chị H trình bày là đúng sự thật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, có tiếp tục sống chung cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Hiện tại chúng tôi đã sống ly thân. Nay chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Tôi và chị H có 02 con chung là: C, sinh ngày 29/12/2005 và T, sinh ngày 10/10/2012. Nếu tôi và chị H ly hôn với nhau, tôi đồng ý để chị H là người trực tiếp nuôi con chung là C và T. Tôi đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng/02con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Tôi đồng ý với quan điểm của chị H là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Nguyên đơn chị Ha và bị đơn anh P có thái độ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đã có 02 con chung. Sau đó chị H và anh P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng lại không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là không hợp pháp, nên đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P là phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con*: Chị H và anh P có 02 con chung là C, sinh ngày 29/12/2005 và T, sinh ngày 10/10/2012. Chị H có nguyện vọng muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung thì tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2019 anh P có quan điểm đồng ý với nguyện vọng của chị H. Còn tại phiên tòa anh P vắng mặt không có ý kiến gì khác. Nên đề nghị HĐXX giao 02 con chung của chị H và anh P cho chị H

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02con được anh P đồng ý. Nhưng do anh P vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến khác nên đề nghị HĐXX buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02con cho chị H.

-Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

-Về án phí: Chị H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh P phải nộp án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con quy định tại khoản 1 và 5 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị H và bị đơn anh P cùng có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về hôn nhân:* Chị H và anh P chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên vào năm 2004, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã có 02 con chung. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị H và anh P hiện tại không còn chung sống với nữa.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và*

tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Như vậy, chị H và anh P chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là không hợp pháp nên phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4] *Về nuôi con:* chị H và anh P có 02 con chung là C, sinh ngày 29/12/2005 và T, sinh ngày 10/10/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày 28/02/2019 cho đến khi con thành niên. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh P vắng mặt nhưng không có quan điểm, ý kiến gì khác so với trình bày, thỏa thuận trước đây. Nên căn cứ vào ý kiến của cháu C có nguyện vọng được ở với chị H và biên bản hòa giải ngày 28/02/2019 (chị H và anh P thống nhất giao 02 con C và T cho chị H) có trong hồ sơ vụ án. HĐXX thấy cần thiết giao con là C, sinh ngày 29/12/2005 và T, sinh ngày 10/10/2012 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2019, chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng/02con thì được anh P đồng ý. Nhưng do anh P không có mặt tại phiên tòa và không có quan điểm ý kiến gì khác. HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng/02 con là phù hợp với điều kiện sống của 02 con của anh P, chị H trên thực tế tại địa phương. Cho nên, cần buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho chị H là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] *Về án phí:* Chị H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1, 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 58, 69, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh P.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung chưa thành niên là C, sinh ngày 29/12/2005 và T, sinh ngày 10/10/2012 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn anh P được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh P lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người người không trực tiếp nuôi con.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho chị H kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. *Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản*: các đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0006041 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/4/2019), còn bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn